

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

**EMMA WATSON VÀ BÀI DIỄN THUYẾT VỀ
BÌNH ĐẲNG GIỚI (2014): NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÂN TÍCH
DIỄN NGÔN THEO MÔ HÌNH CỦA FAIRCLOUGH****NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG***

TÓM TẮT: Việc sử dụng ngôn ngữ nhằm đạt được những mục đích chính trị, xã hội lâu nay vốn là một kỹ năng cần thiết cho bất cứ chính khách cũng như những nhà hoạt động xã hội ở các lĩnh vực khác nhau. Emma Watson là một diễn viên, người mẫu nổi tiếng nước Anh: không chỉ tài năng trong lĩnh vực nghệ thuật mà còn vinh dự được tin nhiệm trở thành Đại sứ thiện chí của Liên hợp quốc, vận động cho vấn đề bình đẳng giới và quyền của phụ nữ. Nghiên cứu này tập trung phân tích một trong những bài diễn thuyết được thực hiện bởi Emma Watson liên quan tới chủ đề bình đẳng giới. Tác giả sử dụng mô hình phân tích diễn ngôn ba chiều của Fairclough để đánh giá và phân tích cách Watson sử dụng từ, ngữ, cấu trúc câu để đạt được tính thuyết phục cao nhất. Nghiên cứu cho thấy, sự lựa chọn ngôn ngữ của Emma Watson rất phù hợp trong bối cảnh xã hội hiện nay. Có thể thấy, nhờ những sự lựa chọn khôn ngoan này, bài diễn thuyết đã gây tiếng vang rộng khắp thế giới, góp phần kêu gọi nhiều tiếng nói đấu tranh cho bình đẳng giới.

TỪ KHOÁ: phân tích diễn ngôn; mô hình của Fairclough; hệ tư tưởng; Emma Watson; bình đẳng giới.

NHẬN BÀI: 16/07/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 07/09/2024

1. Đặt vấn đề

1.1. Ngôn ngữ luôn đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp, truyền tin giữa người với người, và từ đó có vai trò rất quan yếu trong việc thiết lập trật tự xã hội. Theo Van Dijk (1998), một trong những tác động lớn của ngôn ngữ nói chung và của diễn ngôn (discourse) cũng như văn bản (text) nói riêng là những tác động mang tính ý thức hệ giúp khắc sâu, duy trì hoặc thay đổi các hệ tư tưởng. Các hệ tư tưởng (ideologies) là đại diện cho các khía cạnh của thế giới góp phần thiết lập, duy trì và thay đổi các mối quan hệ quyền lực xã hội. Cũng bởi khía cạnh giúp thay đổi thế giới này, mà ngôn ngữ luôn được các chính khách, nhà ngoại giao hay các nhà hoạt động xã hội sử dụng một cách sắc bén giúp truyền tải thông điệp cụ thể nào đó. Theo Fairclough (2001), ngôn ngữ giúp tạo ra sự thay đổi và có thể được sử dụng để tác động làm thay đổi hành vi. Chẳng hạn, Barack Obama là vị tổng thống Mỹ nổi tiếng vì những bài diễn thuyết mang đến sức ảnh hưởng tới dư luận, giúp ông được ủng hộ mạnh mẽ trong hai cuộc bầu cử tổng thống; Nick Vujicic là một diễn giả người Úc nổi tiếng thế giới nhờ những bài diễn thuyết truyền đi cảm hứng sống tích cực và tôn vinh giá trị con người; còn Emma Watson nhờ vào danh tiếng trong lĩnh vực nghệ thuật và sự thông minh trong việc sử dụng ngôn ngữ đã làm dậy sóng dư luận nhờ những bài diễn thuyết với nội dung về chủ đề bình đẳng giới. Năm 2014, Watson được bổ nhiệm làm Đại sứ Thiện chí cho Quỹ phát triển Phụ nữ của Liên hiệp quốc (LHQ), một chương trình thu hút sự tham gia của những người nổi tiếng trong các lĩnh vực nghệ thuật và thể thao để đẩy mạnh các chương trình của LHQ. Vai trò của Watson là cố vấn cho chiến dịch bình đẳng giới HeForShe của LHQ. Đây là một chương trình cam kết nâng cao vị thế của phụ nữ và kêu gọi nam giới trên toàn thế giới đoàn kết với nữ giới khi họ nỗ lực biến bình đẳng giới thành hiện thực. Bài phát biểu tại Liên hợp quốc là một phần trong những nhiệm vụ chính thức của cô với tư cách là Đại sứ Thiện chí cho Quỹ phát triển Phụ nữ của LHQ, và cũng là nguồn ngữ liệu được lựa chọn để phân tích trong khuôn khổ bài báo này.

1.2. Diễn ngôn được định nghĩa là một chuỗi nhiều câu liên tục, được sử dụng trong hoạt động giao tiếp của con người. Diễn ngôn được xem là nguồn lực tạo ra nghĩa, công cụ thể hiện tư tưởng, tri thức, niềm tin, thái độ và thực thi quyền lực trong giao tiếp. Bởi vậy, diễn ngôn chính là một hiện tượng xã hội, chịu sự tác động của các điều kiện chính trị, văn hoá, xã hội. Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: huyentrang.ulis@vnu.edu.vn hoặc nguyenthuyentrang.vnu@gmail.com

Discourse Analysis) là một loại nghiên cứu phân tích diễn ngôn, chủ yếu nghiên cứu cách lạm dụng quyền lực xã hội, sự thống trị và bất bình đẳng được ban hành, tái tạo và phản đối bằng văn bản và cuộc trò chuyện trong bối cảnh chính trị xã hội. Các nhà phân tích diễn ngôn phê phán có quan điểm rõ ràng và do đó muốn hiểu, vạch trần và cuối cùng chống lại sự bất bình đẳng xã hội [Van Dijk, 2001, tr.352]. Cũng theo Fairclough, diễn ngôn có ba cấp độ: Thứ nhất, điều kiện sản xuất xã hội và diễn giải, tức là các yếu tố xã hội dẫn đến nguồn gốc của văn bản, đồng thời sẽ ảnh hưởng đến việc diễn giải văn bản. Thứ hai, quá trình sản xuất và diễn giải, tức là văn bản được tạo ra theo cách nào và cách này ảnh hưởng đến việc diễn giải như thế nào. Thứ ba là văn bản, là sản phẩm của hai giai đoạn đầu. Việc phân tích dữ liệu cụ thể đòi hỏi phải phân tích từng khía cạnh trong ba khía cạnh này và mối quan hệ qua lại của chúng. Tuy nhiên, nhà phân tích nên hiểu thực tiễn xã hội và diễn ngôn trước khi phân tích một văn bản hoặc bài phát biểu để đạt được kết quả tốt nhất. Fairclough cũng mô tả sức mạnh của phạm trù xã hội là cốt lõi của việc sử dụng ngôn ngữ.

1.3. Nghiên cứu này tập trung vào việc sử dụng những phương pháp phân tích diễn ngôn theo mô hình ba chiều của Fairclough để phân tích những đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trong bài diễn thuyết vào năm 2014 của Emma Watson, để phân tích tính quyền lực xã hội được tạo ra bởi ngôn ngữ và nó được thể hiện như thế nào trong bài diễn thuyết đó. Bởi vậy, việc sử dụng mô hình này là hoàn toàn hợp lý để phân tích và bóc tách các khía cạnh khác nhau của diễn ngôn, từ đó làm rõ sức ảnh hưởng của chúng tới dư luận và xã hội.

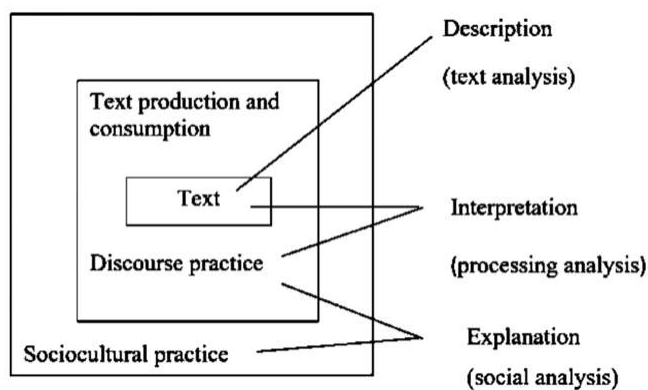
2. Cơ sở lý luận

2.1. Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical Discourse Analysis)

Theo Fairclough (2001, tr.132), phân tích diễn ngôn phê phán (CDA) là một phương pháp tiếp cận liên ngành để nghiên cứu diễn ngôn, xem ngôn ngữ như một hình thức thực hành xã hội, do vậy bộ môn này tập trung đến việc phân tích cách quyền lực được thực thi thông qua ngôn ngữ như thế nào. Nguyễn Hoà (2005, tr.14) cũng cho rằng, phân tích diễn ngôn phê phán là một đường hướng phân tích diễn ngôn có thái độ, quan tâm đến các vấn đề xã hội như quyền thế, hệ tư tưởng, giai cấp, giới tính, hay phân biệt chủng tộc.

2.2. Mô hình phân tích diễn ngôn ba chiều của Fairclough

Fairclough (2001, tr.176), đã đề xuất mô hình phân tích diễn ngôn ba chiều lồng ghép từ nhỏ tới lớn với mô hình sau:



Chiều số 1: diễn ngôn được hiểu là tập hợp các từ và kí tự chúng ta chọn khi viết hoặc nói. Bằng cách chọn những từ nhất định nào đó, chúng ta thể hiện thái độ của mình đối với chủ thể xuất hiện trong diễn ngôn. Phân tích diễn ngôn ở chiều đầu tiên này được thực hiện ở cấp độ từ vựng, ngữ pháp, tu từ, hay độ gắn kết văn bản để làm sáng tỏ cách thức diễn ngôn tạo ra những tri thức và niềm tin về thế giới, tạo ra những quan hệ liên nhân và tạo ra lập trường cho người tiếp nhận.

Chiều số 2: được hiểu như quá trình phân tích thực hành diễn ngôn. Cấp độ phân tích này bao gồm ba chức năng của văn bản là xây dựng văn bản, phân phối và sử dụng văn bản. Ở chiều số 2 này, phân tích

thực hành diễn ngôn tập trung vào hoạt động của diễn ngôn bao gồm hành động ngôn ngữ, cách thức sử dụng của những chiến lược giao tiếp, liên kết nội dung và hình thức toàn diễn ngôn. Ở đây văn bản nêu bật mối quan hệ giữa những người tham gia, và do đó việc phân tích tập trung vào những đặc điểm ngữ cảnh cụ thể, những tương tác về quan hệ trong giao tiếp, chủ thể tạo lập diễn ngôn (thông qua hình thức nói/ viết) và khách thể tiếp nhận diễn ngôn (thông qua hình thức nghe/ đọc).

Chiều số 3: coi diễn ngôn như một hoạt động được thực hiện trong một xã hội hoặc bối cảnh xã hội. Đây là quá trình phân tích thực tiễn xã hội làm sáng tỏ hệ tư tưởng và mối quan hệ của các chủ thể tham gia diễn ngôn. Chiều này giải thích những điều kiện lịch sử - xã hội đã đưa đến việc tạo lập và tiếp nhận diễn ngôn ở trên.

Theo Hussain, M. S., Gill, F., & Afzal, M. (2020), mô hình ba chiều trong phân tích diễn ngôn của Fairclough đóng một vai trò quan trọng trong diễn ngôn bằng cách liên hệ văn bản trực tiếp với xã hội về mặt tương tác. Fairclough (2001) đề cập rằng việc tạo ra văn bản và ý nghĩa là kết quả của các hoạt động sản xuất và diễn giải, bao gồm bối cảnh xã hội có ảnh hưởng đến các điều kiện trong đó văn bản được tạo ra và diễn giải. Vì vậy, để phân tích phê bình bất kì diễn ngôn nào, ba yếu tố này là cần thiết để mở xẻ các lớp văn bản liên quan đến động cơ ẩn giấu, mối quan hệ quyền lực và sự bất bình đẳng xã hội.

3. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Tư liệu được chọn để nghiên cứu là bài diễn thuyết của Emma Watson kéo dài hơn 13 phút. Bài diễn thuyết được công bố trên trang website chính thức của tổ chức LHQ. Phần lời gồm khoảng 1200 từ, được lấy từ trang web <https://www.thoughtco.com>. Bài phát biểu này tại LHQ của Watson là một phần trong vai trò chính thức của cô với tư cách là Đại sứ thiện chí cho phụ nữ của LHQ.

Để phân tích diễn ngôn trong bài diễn thuyết của Emma Watson, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp mô tả ngôn ngữ và phương pháp phân tích diễn ngôn phê phán được trình bày bởi mô hình ba chiều của Fairclough để xác định xem liệu những chiến lược ngôn ngữ mà Watson sử dụng có hỗ trợ và giúp ích cho cô trong quá trình diễn thuyết với nội dung kêu gọi quyền bình đẳng giới hay không. Các phần mềm như WebCorp và WORDCounter cũng được sử dụng nhằm tính toán chính xác mật độ các từ khoá xuất hiện trong bài diễn thuyết này.

4. Kết quả nghiên cứu

Tác giả đã nhập ngữ liệu nghiên cứu vào phần mềm WebCorp để định lượng một số đặc trưng ngôn ngữ được sử dụng trong bài diễn thuyết của Emma Watson. Kết quả cho thấy bài diễn thuyết gồm tổng cộng 1207 từ, 6411 ký tự, 72 câu và 18 đoạn văn. Trình độ đọc là ở mức học sinh lớp 9-10 bậc THPT. Có tổng cộng 244 từ chứa nội dung (content word) xuất hiện, 76 từ trong số đó là danh từ và động từ.

Count: 76 Total: 244

Generate Wordlist

Filter Out Stopwords: ☒

Filter Out Numbers: ☒

Case Insensitive: ☒

Ngram Size:

1 word

Minimum Frequency:

2

Details

Words

1,207

Characters

6,411

Sentences

72

Paragraphs

18

Reading Level

9-10th Grade

Ngoài ra, ngữ liệu nghiên cứu cũng được nhập vào phần mềm WORDCounter để tính toán tần suất xuất hiện của các từ khoá (keyword density). Kết quả cho thấy những từ xuất hiện nhiều như được minh hoạ ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Danh sách từ có tần suất xuất hiện thường xuyên nhất trong bài diễn thuyết

Word(s)	Frequency	Word(s)	Frequency
Men	15	Take	3

Women	13	Know	3
Rights	11	Become	3
Want	9	Made	3
Seen	7	Say	3
Same	6	Spoke	2
Equality	6	Strong	2
Gender	6	Fact	2
Word	5	Aggressive	2
Feel	5	Country	2
Think	4	Involved	2
Change	4	Campaign	2
Male	4	Inadvertent	2
Free	4	Decisions	2
Need	4	Sadly	2
World	4	Defining	2
Today	4	Opportunities	2
HeforShe	3	Help	2
Feminists	3	Expect	2
Feminism	3	End	2
Started	3	Inequality	2

4.1. Chiều thứ nhất: Phân tích văn bản (Discourse as Text)

Theo Fairclough, bất kì văn bản nào cũng có thể được phân tích ở các cấp độ ngữ nghĩa, cú pháp, hình thái và sự gắn kết. Bản thân các từ đều thể hiện các giá trị và chủ đề kinh nghiệm. Bất kì từ nào có thể được chú ý ngay lập tức trong văn bản đều được gọi là từ gây tranh cãi về mặt ý thức hệ.

Bảng 1 cho thấy những từ thường gặp nhất phản ánh chủ đề của bài này. Những từ này có thể được chia thành các nhóm: danh từ chỉ người “*men, women, male*”; danh từ chỉ thể giới và quốc gia “*world, country*”; danh từ chỉ chủ đề người diễn thuyết muốn nhấn mạnh “*rights, gender equality, HeforShe, feminists, feminism, campaign*”; động từ thể hiện ý chí, mong muốn “*want, feel, think, need, know, say, expect*”; động từ/cụm động từ thể hiện mong muốn sự thay đổi “*change, help, involved, defining, spoke, say, made, become, end inequality*”; tính từ thể hiện mạnh mẽ cảm xúc của người nói “*aggressive, inadvertent, sadly, free*”; danh từ thể hiện sự quyết tâm và lạc quan “*decisions, opportunities*”. Bảng việc sử dụng lặp đi lặp lại nhóm những từ vựng này, dường như Watson muốn tác động tới ý thức của người nghe về quyền được bình đẳng giới, không phải chỉ dành cho nữ giới mà còn dành cho cả phái mạnh. Ngoại trừ những từ có sự lặp lại kể trên, có 2 từ trái nghĩa với nhau được Watson nhắc tới trong bài diễn thuyết của mình: “*imprisoned* bị giam hãm” và “*freedom* sự tự do”. Hiện tượng ẩn dụ “*imprisoned*” được Watson sử dụng nhằm nhấn mạnh chính những định kiến giới được ví không khác gì như ngục tù, vây hãm sự tự do của cả nam giới và nữ giới.

Ở khía cạnh cú pháp, bài diễn thuyết có chứa khoảng 40% câu ghép/câu phức (compound & complex sentences), còn lại là câu đơn (simple sentences). Đáng chú ý, bảng 2 dưới đây cho thấy trong số các câu ghép/ câu phức được sử dụng thì các cấu trúc câu sử dụng các liên kết từ như “*if, when, because, but*” được sử dụng thường xuyên nhất. Trong số đó, câu phức chứa liên kết từ “*if*” chiếm vị trí cao nhất. Sử dụng câu phức giả định này giúp Watson mang đến cho người nghe nhiều liên tưởng, đưa người nghe đến gần hơn với vấn đề được thảo luận trong bài diễn thuyết, khuyến khích sự tự vấn ở mỗi người nghe về vấn đề mà cô đưa ra. Ngoài ra, cấu trúc câu phức chứa liên kết từ “*because*” giúp Watson phát triển lí do cho mệnh đề chính, điều này giúp gia tăng tính thuyết phục cho mỗi luận điểm mà cô đưa ra. Cấu trúc câu phức chứa liên kết từ “*when*” giúp gia tăng tính miêu tả, dẫn dắt và kể chuyện cho bài diễn thuyết của Watson. Cô đưa ra rất nhiều ví dụ của bản thân mình ở nhiều mốc thời gian khác nhau để làm minh họa sinh động cho những định kiến về giới ở cả nam và nữ do chính cô đã từng trải qua, khiến cho vấn đề

được thảo luận một cách tự nhiên được đi sâu vào ý thức của người nghe. Người nghe như được vẽ ra trước mắt những câu chuyện sống động nơi mà cả nam giới và nữ giới đều chịu rất nhiều những khuôn phép và định kiến không đáng có về giới tính, từ đó lan đi thông điệp mạnh mẽ về quyền bình đẳng giới cho tất cả mọi người, không chỉ cho nữ giới.

Bảng 2. Cấu trúc câu ghép có tần suất sử dụng nhiều trong bài diễn thuyết

Type	Examples	Frequency
If + mệnh đề, mệnh đề.	- <i>If there is one thing I know for certain, it is that this has to stop.</i> - <i>If men don't have to be aggressive in order to be accepted, women won't feel compelled to be submissive.</i> - <i>If you believe in equality, you might be one of those inadvertent feminists that I spoke of earlier.</i>	11
Mệnh đề + because + mệnh đề.	- <i>I am reaching out to you because we need your help</i> - <i>My life is a sheer privilege because my parents didn't love me less because I was born a daughter.</i> - <i>My school did not limit me because I was a girl.</i> - <i>My mentors didn't assume I would go less far because I might give birth to a child one day.</i>	10
When + mệnh đề, mệnh đề.	- <i>When I was 8, I was confused for being called bossy because - I wanted to direct the plays, but the boys were not.</i> - <i>When I was 14, I started to be sexualized by certain elements of the media.</i> - <i>When I was 15, my girlfriends started dropping out of sports teams because they didn't want to appear muscly.</i>	9
Mệnh đề + but + mệnh đề.	- <i>They may not know it, but they are the inadvertent feminists who are changing the world today.</i> - <i>We don't often talk about men being imprisoned by gender stereotypes, but I can see that they are, and that when they are free, things will change for women as a natural consequence.</i>	5

Ở khía cạnh gắn kết/ tương tác với người nghe, bảng 3 dưới đây cho thấy đại từ ngôi thứ nhất “I” được sử dụng nhiều nhất. Watson cũng sử dụng khá nhiều đại từ ngôi thứ nhất số nhiều “we” và đại từ nhân xưng ngôi thứ 2 “you”. Việc sử dụng lặp đi lặp lại đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít “I” có thể hiểu như người nói muốn thể hiện sự lấn át, sức ảnh hưởng tới người nghe. Emma Watson xưng là “we” và gọi người nghe là “you” với dụng ý muốn lôi kéo người nghe về mặt thể chất và tinh thần vào mối quan hệ quyền lực xã hội xuất hiện xoay quanh chủ đề bình đẳng giới. Đặc biệt, ngôi “we” được sử dụng nhiều nhất ở phần cuối bài diễn thuyết khi mà Watson nhấn mạnh vào việc cô hi vọng tất cả mọi người cùng dùng sức ảnh hưởng của mình tới thế giới xung, nhằm thay đổi những định kiến cố hữu về giới.

Bảng 3. Bảng đại từ nhân xưng xuất hiện nhiều trong bài diễn thuyết

Personal Pronouns	Frequency	Personal Pronouns	Frequency
I	36	Me	9
We	20	She	9
You	10	Us	4

4.2. Chiều thứ hai: Phân tích thực hành diễn ngôn (Discourse as Discursive Practice)

Cũng theo Fairclough, phân tích thực hành diễn ngôn liên quan đến việc sản xuất văn bản, quá trình truyền tải cũng như đặc thù nội dung bên trong văn bản cũng như quá trình diễn giải văn bản. Diễn ngôn thay đổi tùy theo bối cảnh và yếu tố xã hội. Vậy việc phân tích diễn ngôn chủ yếu tập trung vào hệ tư tưởng của người nói và sự hiểu biết của người nghe về những gì họ cảm nhận được từ bài diễn thuyết và cách nó được truyền tải trong xã hội.

Mục đích của bài diễn văn này là để truyền đi thông điệp về bình đẳng giới từ Watson; thể hiện rõ được vai trò của mình như một đại sứ của nữ giới lên tiếng bảo vệ quyền lợi của mình. Bài diễn thuyết thể hiện rõ sự quyết tâm cũng như niềm tin vào sự thay đổi vì một thế giới tốt đẹp hơn nơi mà không chỉ phụ nữ mà cả đàn ông được thoát khỏi những định kiến giới khi có tới 7 lần từ “will” được cô sử dụng và nhấn mạnh khi đưa ra luận điểm của mình.

Bên cạnh việc phân tích chủ thể tạo ra diễn ngôn và thông điệp về lí tưởng sống của chủ thể đó, một khía cạnh khác nữa trong phân tích thực hành diễn ngôn đó là phân tích đối tượng tiếp nhận diễn ngôn và cách họ đón nhận diễn ngôn này ra sao (Fairclough). Bài diễn thuyết của Watson được thực hiện tại hội nghị LHQ năm 2014, sau đó được nội dung bài diễn thuyết được đăng tải chính thức trên trang website và kênh Youtube chính thức của tổ chức LHQ. Vậy, có thể thấy, đối tượng tiếp nhận bài diễn thuyết rất đa dạng, không chỉ giới chức trách - những người có trách nhiệm đưa ra chính sách có lợi cho cuộc đấu tranh vì bình đẳng giới mà Emma Watson đang theo đuổi, mà còn là dư luận, những người dân bình thường, cả nam lẫn nữ, mà theo cô chính là những người có trách nhiệm trực tiếp tới việc thay đổi ý thức hệ trong mỗi gia đình, mỗi nhà trường và từ đó lan rộng ra cả xã hội. Nếu có sự thay đổi này, cả nam giới và nữ giới đều được hưởng sự tự do, thoát được khỏi những gông cùm của khuôn khổ xã hội. Hầu hết sự đón nhận của dư luận với bài phát biểu này của Watson là rất tích cực, đại đa dư luận đều nhận xét bằng những tính từ như: “stunning” (tuyệt vời), “impressive” (rất ấn tượng) hay “inspiring” (truyền cảm hứng). Một bộ phận dư luận còn ví bài phát biểu này của Watson như sự kế thừa và tiếp nối đầy mạnh mẽ sau bài phát biểu của Hilary Clinton cũng tại LHQ cách đây 20 năm về chủ đề tương tự.

4.3. Chiều thứ ba: Phân tích thực tiễn xã hội (Discourse as Social Practice)

Chiều thứ ba trong mô hình phân tích diễn ngôn của Fairclough giúp vén bức màn về mối quan hệ của những người tham gia vào diễn ngôn, bởi, diễn ngôn sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu bị tách rời khỏi xã hội. Phân tích theo chiều cuối cùng này giúp làm sáng tỏ địa vị xã hội cũng như đặc trưng văn hoá của người tạo ra diễn ngôn. Việc Emma Watson trích dẫn câu danh ngôn nổi tiếng của Edmund Burke trong bài diễn thuyết của mình “Điều kiện để cái xấu lên ngôi đó là khi những người tốt không lên tiếng” thể hiện sự thông minh xã hội của cô khi gián tiếp kêu gọi tất cả những người đang nghe cô nói hãy lên tiếng vì sự thay đổi trước khi sự bất bình đẳng giới lên ngôi. Ngoài ra, việc trích dẫn nhiều ví dụ của bản thân từ những trải nghiệm thực tế cho thấy minh chứng của việc con người bị mất đi quyền tự do, bình đẳng giới từ những điều nhỏ nhất nhất trong cuộc sống. Sự mất tự do này bị gây ra bởi những khuôn khổ xã hội áp đặt cho mỗi giới tính. Cách lấy những câu chuyện của mình làm ví dụ minh hoạ cho luận điểm chính trong bài diễn thuyết cho thấy cô rất hiểu tâm lí người nghe, biết cách thu hút họ vào những ví dụ sinh động, để từ đó dẫn dắt tới luận điểm mình muốn chỉ ra. Điều này khiến cho khán giả bị thuyết phục bởi lí lẽ đó. Một điều đặc biệt khác đó là việc Watson lấy cha mình làm ví dụ cho hình ảnh một người đàn ông đi ngược lại với quy chuẩn của xã hội về việc nam giới phải ra ngoài kiếm tiền tạo lập công danh sự nghiệp thay vì ở nhà chăm sóc con cái thay cho vợ cho thấy tình yêu thương gia đình của cô, bởi vì nếu không có tình yêu lớn lao dành cho người cha của mình, thì một đứa trẻ khó lòng có thể đủ nhạy cảm và tinh tế để cảm nhận được áp lực tinh thần đến từ dư luận xã hội dành cho cha mình. Đó chính là định kiến

giới về đi kèm với những quy chuẩn xã hội về một người đàn ông thành công và hạnh phúc mà cô kêu gọi tất cả mọi người chung tay bài trừ.

5. Kết luận

Thông qua khảo sát, bài viết chỉ ra rằng, Watson đã có cách những lựa chọn ngôn ngữ rất phù hợp để tạo ra mối liên kết giữa người nói và khán giả cũng như cách họ tiếp nhận các lập trường liên quan đến chủ đề bình đẳng giới. Nhờ vào điều này, bài diễn thuyết của cô nhận được nhiều phản ứng tích cực, góp phần làm sáng tỏ hệ tư tưởng, chiến lược và mục tiêu của Emma Watson, người đứng đầu chiến dịch HeforShe, chiến dịch nhằm kêu gọi nam giới đấu tranh vì quyền bình đẳng giới của chính mình và từ đó cởi bỏ xiềng xích định kiến giới cho cả phái nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Hoà (2005), *Phân tích diễn ngôn phê phán: Lí luận & Phương pháp*. Nxb ĐHQGHN.

Tiếng Anh

2. Fairclough, N. (2001), *Language and power (2nd ed)*. Pearson Education Limited, tr.176.
3. Hussain, M. S., Gill, F., & Afzal, M. (2020), *An overview of the process in conducting research in social sciences using discourse studies perspective*. Sir Syed Journal of Education & Social Research. Vol 3, Issue 3, 2020 (July-September).
4. Van Dijk, T. (ed.) (1997), *Discourse Studies: a Multidisciplinary Introduction* (Vol. 1: *Discourse as Structure and Process*; Vol. 2: *Discourse as Social Interaction*), London: Sage.
5. Van Dijk, T. (1998), *Ideology: a Multidisciplinary Approach*, London: Sage.

Emma Watson's speech on gender equality (2014): from the perspective of critical discourse analysis based on Fairclough's model

Abstract: Using language to achieve political and social goals has long been a crucial skill for any politician as well as social activists in different fields. Emma Watson is a famous British actress and model ; she is not only talented in the professional field but also honored to be trusted to become a Goodwill Ambassador of the United Nations, campaigning for gender equality and women's rights. This study focuses on analyzing one of the speeches given by Emma Watson related to the topic of gender equality. The author uses Fairclough's three-dimensional discourse analysis model to evaluate and analyze how Watson used words, phrases, and sentence structures to achieve the highest persuasiveness. The findings have revealed that her choice of language is very appropriate in the current social context. It can be seen that, thanks to these wise linguistic choices, the speech resonated widely around the world, contributing to successful calls for many voices to fight for gender equality.

Key words: discourse analysis; Fairclough's model; ideology; Emma Watson; gender equality.